TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** TỈNH BẮC NINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 11 năm 2019.
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trung; Ông Viêm Văn Doãn.

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Vũ Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 394/2019/TL- HNGĐST ngày 13/9/2019 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2019/QĐ-DS ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Đ, sinh năm 1992 (Có mặt);

HKTT: Bản Giàng I, thị trấn X, huyện S, tỉnh Cao Bằng.

Trú tại: Thôn Do Nha, xã F, huyện R, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Nông Văn A, sinh năm 1989 (Vắng mặt);

HKTT: Bản Giàng I, Thị trấn G, huyện F, tỉnh Cao Bằng.

Nơi làm việc: Công ty TMDV và Môi trường Ngôi Sao Xanh, khu Thượng, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Số 169 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh Hưng - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đàm Hồng Tân - Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Đặng Thị Đ trình bày: Chị kết hôn với anh Nông Văn A ngày 14/6/2011. Trước khi cưới hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại Bản Giàng I, thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Anh thường xuyên rượu chè, cờ bạc và đánh đập chị. Tháng 02 năm 2018, mối quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, chị về Bắc Ninh làm việc, sau đó khoảng 02 tháng anh Nông Văn A cũng về làm việc tại Bắc Ninh. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay, không còn tình cảm và không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nông Văn A.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nông Gia B, sinh ngày 10/10/2013. Hiện nay cháu đang sống cùng anh A. Ly hôn chị đồng ý để anh Nông Văn A nuôi cháu B, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh A mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu bảo tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng chị có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng số tiền 40.000.000 đồng, chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Nông Văn A phải có trách nhiệm cùng chị trả số nợ trên.

Bị đơn là anh Nông Văn A vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong các lời khai tại Tòa án anh trình bày: Anh kết hôn với chị Đặng Thị Đ, vào ngày 14/6/2011. Trước khi cưới hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với chị Đ tại UBND thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sống chung với bố mẹ sau đó chuyển ra ở riêng tại Bản Giàng I, thị trấn Xuân Hòa, Hà Quảng, Cao Bằng. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc cho tới năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Đ có mối quan hệ với người đàn ông khác. Sau đó thì chị Đ chuyển về Bắc Ninh

sống và làm việc từ năm 2019 đến nay. Tuy nhiên anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm nên anh chỉ đồng ý ly hôn với chị Đ nếu chị Đ đồng ý nhận trách nhiệm trả khoản vay ngân hàng chính sách xã hội của hai vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nông Gia B, sinh ngày 10/10/2013. Từ nhỏ cháu B sống cùng anh và ông bà nội. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu B và yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh có 01 chiếc xe máy là tài sản chung. Ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Vợ chồng có 01 khoản vay ngân hàng chính sách xã hội huyện Hà Quảng nhưng anh xác định đây không phải công nợ chung của 2 vợ chồng, khoản nợ là do chị Đ tự ý vay nên anh không liên quan và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng do ông Đàm Hồng Tân, Giám đốc vắng mặt. Tuy nhiên trong đơn xin xử vắng mặt phía Ngân hàng xác định vợ chồng anh Nông Văn A và chị Đặng Thị Đ có vay của Ngân hàng chính sách xã hội theo hồ sơ sổ vay vốn dành cho hộ nghèo số sổ vay vốn mã món vay 6600000710056282, giải ngân ngày 13/4/2017, vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 0,5500%/tháng. Thời hạn trả nợ là ngày 13/4/2022. Trong quá trình trả nợ, tính đến ngày 25/9/2019 vợ chồng chị Đông và anh Nông Văn A còn nợ Ngân hàng số nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 665.424 đồng. Tổng gốc và lãi là 40.665.424 đồng. Nay vợ chồng anh A và chị Đ ly hôn, Ngân hàng đề nghị chị Đ và anh A phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số nợ và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Nguyên đơn đồng ý với yêu cầu độc lập của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Chị Đ đồng ý trả một nửa số nợ và yêu cầu anh A có trách nhiệm trả phần nợ còn lại cho ngân hàng.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, người liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Đặng Thị Đ được ly hôn anh Nông Văn A.

- Về con chung: Giao cho anh Nông Văn A nuôi cháu Nông Gia B, sinh ngày 10/10/2013. Cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi còn cùng anh Nông Văn A mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về công nợ: Buộc anh Nông Văn A và chị Đặng Thị Đ phải có trách nhiệm thanh toán số nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hà Quảng theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Đ và anh Nông Văn A kết hôn ngày 14/6/2011. Trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Như vậy chị Đ và anh A đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị Đ và anh A thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Từ tháng 02/2018 chị Đ và anh A cùng về làm việc và sống ở Bắc Ninh nhưng hai người không sống chung, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Tại phiên tòa chị Đ giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Nông Văn A, trong các lời khai, anh A cho rằng vợ chồng vẫn còn tình cảm nhưng nếu chị Đ đồng ý trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng thì anh sẽ đồng ý ly hôn chị Đ. Hội đồng xét xử thấy, anh Nông Văn A không muốn ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Anh vắng mặt, không đến tham dự các buổi công khai chứng cứ, hòa

giải và phiên tòa, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh A đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị Đ được ly hôn anh A.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị Đ và anh A có 01 con chung là cháu Nông Gia B, sinh ngày 10/10/2013. Trong các lời khai và tại phiên tòa chị Đ đồng ý để anh Nông Văn A tiếp tục nuôi cháu B, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh A mỗi tháng 1.000.000 đồng. Trong các lời khai anh A cũng có nguyện vọng được nuôi cháu B và yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét thấy, từ nhỏ cháu Bảo sống cùng anh Nông Văn A, anh Nông Văn A có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu chị Đ cũng đồng ý do vậy cần giao cho anh A tiếp tục nuôi cháu B là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung, trong các lời khai anh A yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh mỗi tháng 1.500.000 đồng. Tại phiên tòa, chị Đ xác định đang làm công nhân tại Công ty TNHH Smac ViNa với tổng thu nhập là 4.700.000 đồng/1 tháng. Xét thấy để đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt và học tập của cháu Bảo và cuộc sống của chị Đ nên cần buộc chị Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nông Văn A mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về công nợ: Xét thấy trong quá trình chung sống, ngày 24/3/2017 anh Nông Văn A ủy quyền cho chị Đ là người đại diện giao dịch với Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hà Quảng để đứng tên vay và thực hiện giao dịch với Ngân hàng chính sách xã hội, việc ủy quyền có sự chứng kiến của trưởng thôn và xác nhận của UBND thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng do vậy việc ủy quyền từ anh Anh cho chị Đông là hợp pháp.

Sau khi nhận ủy quyền từ anh A, chị Đặng Thị Đ được Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hà Quảng xét duyệt cho vay số tiền 40.000.000 đồng. Số tiền được giải ngân vào ngày 13/4/2017 theo hợp đồng số 6600000710056282, lãi suất là 0,55%/tháng và lãi suất nợ quá hạn là 0,715% tháng. Thời hạn cho vay là 60 tháng. Kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần. Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 13/4/2022. Tuy nhiên, sau khi vay đã quá 02 kỳ trả nợ nhưng chị Đ và anh A chưa trả cho Ngân hàng

khoản tiền gốc nào, xác định chị Đ và anh A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Trong hợp đồng thể hiện thời hạn cuối cùng để trả nợ là năm 2022 nhưng trong các lời khai chị Đ và đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều xác định nghĩa vụ trả nợ và đề nghị giải quyết công nợ với Ngân hàng. Do vậy, Tòa án thụ lý yêu cầu độc lập của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định. Chị Đ và anh A ly hôn, Ngân hàng yêu cầu chị Đ và anh A phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số nợ gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25/9/2019 là 665.424 đồng. Tổng gốc và lãi là 40.665.424 đồng. Ngoài ra kể từ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì chị Đ và anh A còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất đã ký với Ngân hàng kể từ ngày 26/9/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Xét yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ và đúng quy định pháp luật. Do anh A ủy quyền cho chị Đ và chị Đ thay mặt anh A ký hợp đồng vay vốn trong thời kỳ hôn nhân nên cần buộc anh A phải có trách nhiệm cùng chị Đ thanh toán số nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Anh Nông Văn A và chị Đặng Thị Đ thuộc danh sách hộ nghèo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội khởi kiện. Do vậy cần áp dụng Điểm đ, Khoản 1, Điều 12 và Điểm c Khoản 1, Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội miễn toàn bộ án phí DSST cho anh A và chị Đ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 27, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 235, 254, 262, 264, 266, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị Đ được ly hôn anh Nông Văn A.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Gia B, sinh ngày 10/10/2013 cho anh Nông Văn A tiếp tục nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Thị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nông Văn A mỗi tháng 1.000.000đồng kể từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Chị Đ được quyền đi lại thăm nom con chung sau khi ly hôn. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Công nợ: Buộc chị Đặng Thị Đ và anh Nông Văn A mỗi người phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính xã hội huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng số tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 25/9/2019 là 332.712 đồng. Tổng gốc và lãi là 20.332.712 đồng. Kể từ ngày Ngân hàng có đơn đề nghị thi hành án, anh A và chị Đ còn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi theo mức lãi suất quy định trong sổ vay vốn đối với số tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày 26/9/2019 cho đến khi thanh toán hết số nợ.

5. Về án phí dân sự: Chị Đặng Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận chị Đông đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0001833 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh).

Miễn toàn bộ án phí DSST cho chị Đặng Thị Đ và anh Nông Văn A.

Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hà Quảng không phải chịu án phí DSST.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết kết quả bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSNDTP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- UBND thị trấn Xuân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Hương

5. Về án phí dân sự: Chị Đặng Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Xác nhận chị Đông đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2018/0001833 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh).

Miễn toàn bộ án phí DSST cho chị Đặng Thị Đ và anh Nông Văn A.

Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hà Quảng không phải chịu án phí DSST.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết kết quả bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Trung **Viêm Văn Doãn** **Nguyễn Thị Lan Hương**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Trung **Viêm Văn Doãn** **Nguyễn Thị Lan Hương**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSNDTP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- UBND phường Võ Cường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Hương

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Trung **Viêm Văn Doãn** **Nguyễn Thị Lan Hương**